

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2019/DS - ST

Ngày: 15-3-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Khắc Việt

2. Ông Từ Tứ Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.*
Bà Nguyễn Thị Kim Luyến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim P, sinh năm: 1946 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2018 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Kim P trình bày:

Vào năm 1997 bà Nguyễn Thị H có đến nhà bà Nguyễn Kim P hỏi vay 11 (Mười một) chỉ vàng 24kr, khi vay hai bên không có làm biên nhận nợ, chỉ ghi vào sổ tay, không thỏa thuận lãi suất, bà H hứa khi nào bà lo xong chuyện gia đình sẽ trả số vàng trên cho P. Nhưng bà H chỉ hứa mà không thực hiện. Sự việc kéo dài đến năm 2014 bà P gửi đơn đến Ban lãnh đạo ấp A để giải quyết thì bà H và bà P xác nhận nợ với nhau, từ năm 2014 đến năm 2017 bà H trả cho bà P được 04 chỉ vàng 24kr và còn nợ lại 07 (bảy) chỉ vàng. Đến ngày 03 tháng 3 năm 2017 bà H có làm biên nhận nợ viết tay xác nhận còn nợ bà P 07 (bảy) chỉ vàng 24kr hai bên thỏa thuận mỗi năm bà H trả cho bà P 02 chỉ vàng cho đến

khi hết nợ. Nhưng từ đó đến nay bà H vẫn không thanh toán cho bà P. Bà P có đến nhà nhắc nhở nhiều lần nhưng bà H chỉ hứa hẹn mà không chịu thanh toán.

Tại phiên tòa bà P yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả 07 chỉ vàng 24kr yêu cầu trả một lần và không yêu cầu tính lãi. Bà P chỉ yêu cầu một mình bà H trả số vàng trên, không yêu cầu ai khác.

Theo bản tự khai ngày 25 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H trình bày :

Nguyên trước đây bà Nguyễn Thị H có đến nhà bà Nguyễn Kim P hỏi vay 11 chỉ vàng 24kr, khi vay không có làm giấy tờ gì. Hai bên thỏa thuận lãi suất 1 chỉ vàng/ tháng là 1 phân, bà H đóng lãi cho bà P được 02 năm thì không đóng lãi và cũng không trả vàng gốc, khi đóng lãi không có làm giấy tờ gì và cũng không ai biết sự việc trên, bà cũng không nhớ rõ là đóng được bao nhiêu lãi. Đến năm 2014 bà P có gửi đơn đến ban lãnh đạo ấp A yêu cầu giải quyết thì bà H có làm biên nhận nợ viết tay thừa nhận còn nợ bà P 11 chỉ vàng 24kr, từ năm 2014 đến năm 2017 bà H trả được cho bà P 04 chỉ vàng và còn nợ lại 07 (bảy) chỉ vàng 24kr đến ngày 03 tháng 3 năm 2017 bà H có làm biên nhận nợ xác nhận còn nợ bà P 07 (bảy) chỉ vàng 24k và cam kết mỗi năm sẽ trả cho bà P 02 chỉ vàng cho đến khi hết nợ nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn từ ngày 03 tháng 3 năm 2017 cho đến nay bà H không thanh cho bà P được.

Tại phiên Tòa bà H thừa nhận còn nợ bà P 07 (bảy) chỉ vàng 24kr do hoàn cảnh gia đình khó khăn xin trả dần mỗi năm trả 01 chỉ vàng cho đến khi hết nợ. Bà H thừa nhận chữ ký tên H và chữ viết Nguyễn Thị H trong biên nhận nợ ngày 03/3/2017 là do bà viết và ký tên. Bà H không yêu cầu tính lãi đối với phần lãi mà bà đã đóng cho bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:
Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P. Buộc bà Nguyễn Thị H trả bà P 07 (bảy) chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Kim P yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả 07 chỉ vàng 24k yêu cầu trả một lần và không yêu cầu tính lãi, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Kim P khởi kiện bà Nguyễn Thị H, bà H có nơi cư trú tại: ấp A, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim P yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả 07 (bảy) chỉ vàng 24kr. Hội đồng xét xử xét thấy trước đây vào năm 1997 bà P có cho bà Nguyễn Thị H hỏi vay 11(mười một) chỉ vàng 24kr khi vay hai bên không có làm biên nhận nợ, chỉ ghi vào sổ tay. Không thỏa thuận lãi suất, và cũng không thỏa thuận thời gian trả nợ, bà H hứa khi nào làm xong việc gia đình sẽ thanh toán số vàng trên cho bà P, nhưng sau khi làm xong việc gia đình bà H vẫn không thanh toán. Bà P có đến nhà bà H nhắc nhở nhiều lần bà H chỉ hứa hẹn, mà không chịu thanh toán. Sự việc kéo dài đến năm 2014 bà P có gởi đơn đến Ban lãnh đạo ấp A yêu cầu giải quyết thì bà H xác nhận còn nợ bà P 11 (mười một) chỉ vàng 24kr. Từ năm 2014 đến năm 2017 thì bà H trả được cho bà P 04 chỉ vàng 24kr và còn nợ lại 07 (bảy) chỉ, đến ngày 03 tháng 03 năm 2017 bà H có làm biên nhận nợ viết tay thừa nhận còn nợ bà P 07 (bảy) chỉ vàng 24kr và cam kết một năm trả 02 chỉ cho bà P cho đến khi hết nợ. Nhưng từ đó đến nay bà H không trả cho bà P đúng theo thỏa thuận. Tại Biên bản hòa giải ngày 02 tháng 01 năm 2019 và tại phiên tòa bà H cũng thừa nhận còn nợ bà P 07 (bảy) chỉ vàng 24kr, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[4] Xét lời khai của bà H cho rằng hiện nay kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, bà H xin trả dần cho bà P một năm trả 01 chỉ vàng cho đến khi dứt nợ. Việc bà H xin trả dần số vàng trên không được bà P đồng ý, nên yêu cầu của bà H không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, trước đây bà P đã đồng ý để cho bà H trả dần số vàng còn thiếu, nhưng bà H không thực hiện đúng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy bà P yêu cầu bà H trả 07 (bảy) chỉ vàng 24kr là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Phụng không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét lời khai của bà H cho rằng bà đã đóng lãi cho bà P được hai năm với lãi suất 1 chỉ vàng/ tháng là 1 phân, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 07(bảy) chỉ vàng 24k x 3.673.000đ = 25.711.000đ (*Hai mươi lăm triệu bảy trăm mười một nghìn đồng*).

Án phí tính như sau: 25.711.000đ x 5% = 1.285.550đ làm tròn 1.285.500đ (*Một triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm đồng*).

- Yêu cầu của bà P được chấp nhận nên bà P không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí 605.500đ (*Sáu trăm lẻ năm nghìn năm trăm đồng*) đã nộp theo lai thu số 0005246 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp 1.285.500đ (*Một triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm đồng*).

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147; Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466 và 469 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim P.
2. Buộc bà Nguyễn Thị Hoa trả cho bà Nguyễn Kim P 07 (bảy) chỉ vàng 24kr.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Kim P số tiền tạm ứng án phí 605.500đ (*Sáu trăm lẻ năm nghìn năm trăm đồng*) đã nộp theo lai thu số 0005246 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.
- Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp 1.285.500đ (*Một triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Kim P và bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ

